

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/6/2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Thị Tâm**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Lê Quang Tùng và bà Lê Thị Huyền**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:** Ông: Vũ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

+ Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Nhung- Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh số 6 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*);

2. Bị đơn: Anh Lang Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2025; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị N và anh Lang Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 23/10/2013 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K,

huyện X, tỉnh Thanh Hoá, sau đó vợ chồng có tổ chức cưới hỏi vào tháng 11 năm 2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, yêu thương lẫn nhau nhưng một thời gian sau vào đầu tháng 03 năm 2023 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hòa hợp, anh T thường xuyên rượu chè không quan tâm đến gia đình dẫn đến cãi cọ nhau. Chị N và anh T đã nói chuyện hòa giải với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lang Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lang Văn T, sinh ngày: 20/11/2013. Hiện nay cháu T đang ở với anh T. Tại Biên bản hòa giải ngày 21/5/2025, hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cháu Lang Văn T cho anh Lang Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị N và anh T kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống với nhau do phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị N và anh T không còn tình cảm gì với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh T.

*Về con chung:* vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lang Văn T, sinh ngày: 20/11/2013. Quá trình giải quyết chị N và anh T tự nguyện thỏa thuận giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Đề nghị HĐXX ghi nhận về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị N và anh T.

*Về tài sản; công nợ:* Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Lang Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lang Văn T đồng ý với phần trình bày về kết hôn của chị Lê Thị N. Anh T và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 23/10/2013 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hoá, sau đó hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 11 năm 2013. Quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc, yêu thương lẫn nhau được một thời gian dài, đến tháng 03 năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly với nhau từ tháng 11/2023 đến nay, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với chị N để nói chuyện hòa giải nhưng chị N không đồng ý. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh T đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng công nhận có 01 (một) con chung là cháu Lang Văn T, sinh ngày: 20/11/2013, anh T đồng ý với ý kiến về con chung và cấp dưỡng

nuôi con chung tại Biên bản hòa giải ngày 21/5/2025, hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị N và anh Lang Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/3/2025 về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh T tại địa phương thể hiện: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện X, tỉnh Thanh Hoá vào năm 2013. Quá trình chung sống tại địa phương chị N và anh T hạnh phúc, đến tháng 3/2023 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, từ tháng 11/2023 thì hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì địa phương không rõ và cũng không được hòa giải, nay được biết Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị N và anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

+ *Nội dung*: *Về hôn nhân*: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N được ly hôn anh Lang Văn T.

*Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 01 (một) con chung là cháu Lang Văn T, sinh ngày: 20/11/2013, chị N, anh T tự nguyện thỏa thuận giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Đề nghị HĐXX ghi nhận ý kiến về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị N và anh T.

*Về tài sản, công nợ*: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2025 chị Lê Thị N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, trường hợp anh T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Lang văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm

a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị N và anh Lang Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị N là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T kéo dài, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp dẫn đến cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị N và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2023 đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ, mặt khác trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T là có căn cứ.

*Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 01 (một) con chung là cháu Lang Văn T, sinh ngày: 20/11/2013. Chị N, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến như Biên bản hòa giải ngày 21/5/2025, hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cháu Lang Văn T cho anh Lang Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị N và anh T đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị N và anh T.

*Về tài sản và công nợ*: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*Về án phí*: Chị N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm, chị N nhận nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị N

Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Lang Văn T

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về con chung giữa chị N và anh T. Giao cháu Lang Văn T cho anh Lang Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.500.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị N và anh Lang Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006381 ngày 04/3/2025. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị N phải nộp. Chị N nhận nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện, tỉnh Thanh Hóa.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N, anh Lang Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- UBND xã Luận Khê, H. Thường Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lê Thị Tâm**

